

I KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

II

III IV

PGS. TS Nguyễn Văn Lê
Chủ nhiệm đề tài KX 05 - 09

Đại hội Đảng lần thứ IX nhấn mạnh: “Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương” {Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX. NXB Chính trị Quốc gia. Tr 109}.

Luật Giáo dục cũng khẳng định: “Giáo dục trung học phổ thông nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông để tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động” {Luật Giáo dục. NXB Chính trị Quốc gia. Tr 18}.

Rõ ràng, giáo dục phổ thông có vai trò hết sức quan trọng trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay. Và cũng vì thế việc nghiên cứu giáo dục phổ thông và hướng nghiệp là rất cần thiết.

1. Kết quả nghiên cứu về mặt lý luận:

1.1. Bằng cách tiếp cận hiện đại về con người để nghiên cứu *giáo dục phổ thông và hướng nghiệp, đề tài đã khẳng định:*

- Nghiên cứu nền tảng phát triển nguồn nhân lực phải đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với nghiên cứu về con người và nền văn hoá.

- Nguồn nhân lực được tạo nên từ vốn con người. Vốn con người được tạo bởi sự phát triển người bền vững. Sự phát triển người bền vững là sự phát triển đồng bộ các phong diện thể lực, tâm lực và trí lực của con người.

- Sự phát triển người bền vững chỉ có thể có được khi sự phát triển con người được đảm bảo. Phát triển con người bao quát cả những vấn đề năng lực tự nhiên, năng lực xã hội và môi trường phát triển con người, nhấn mạnh đến việc nâng cao năng lực lựa chọn và mở rộng cơ hội lựa chọn nhằm thoả mãn nhu cầu của con người.

- Phát triển con người là một quá trình với sự tác động của nhiều yếu tố. Sự phát triển người chỉ có thể được đảm bảo khi quá trình này được nâng đỡ bởi thể chế kinh tế vững mạnh: Phát triển giáo dục; phát triển kinh tế; phát triển y tế. Trong thể chế 3 chân đó, giáo dục phổ thông có vai trò đặc biệt quan

trọng: *Giáo dục phổ thông là nền tảng tạo ra sự phát triển ngời ở cả bình diện cá nhân và bình diện xã hội.*

1.2. Đề tài đã tổng kết kinh nghiệm giáo dục phổ thông và hóng nghiệp trên thế giới và chỉ ra những bài học đối với Việt Nam.

1.3. Đề tài đã đề xuất phương pháp đánh giá toàn diện, khoa học và đúng thực chất về vai trò của giáo dục phổ thông và hóng nghiệp với t cách là *nền tảng để phát triển nguồn nhân lực* đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cụ thể là:

- Chỉ rõ Giáo dục phổ thông và hóng nghiệp làm gia tăng năng lực ngời của học sinh giúp các em nâng cao năng lực lựa chọn những hóng đi khác nhau trong cuộc sống tương lai. Đồng thời, giáo dục phổ thông và hóng nghiệp còn góp phần mở rộng cơ hội để học sinh lựa chọn hóng đi trong tương lai cho bản thân.

- Đánh giá vai trò nêu trên của giáo dục phổ thông và hóng nghiệp được thực hiện thông qua việc đề xuất và triển khai đo đạc về mức độ *năng lực định hóng nghề nghiệp và tiềm năng nghề nghiệp* mà học sinh có được thông qua việc tiếp nhận các tác động của giáo dục phổ thông và hóng nghiệp trong nhà trường.

- + *Năng lực định hóng nghề nghiệp của học sinh phổ thông*: Được đánh giá qua các tham số: Dự định nghề nghiệp; khám phá nghề nghiệp; thu thập thông tin về việc làm; năng lực làm quyết định chọn nghề; thái độ nghề nghiệp; hiểu biết về nghề.

- + *Tiềm năng nghề nghiệp của học sinh*: Được đánh giá qua các tham số: Năng lực ứng phó; năng lực thoát khỏi rào cản; năng lực sử dụng các nguồn lực xã hội; các năng lực chuyên biệt; động cơ; thể lực.

- Từ quan điểm mới, hiện đại về mặt lý luận trên đây, đề tài đã *xây dựng được bộ công cụ mới để đo năng lực định hóng nghề nghiệp và tiềm năng nghề nghiệp của học sinh*. Đó chính là bộ trắc nghiệm bao gồm:

- + Trắc nghiệm tiềm năng nghề: Trắc nghiệm tập trung đo lường các phẩm chất, các đặc tính cơ bản của cá nhân, các kỹ năng, các năng lực nh là những nền tảng để phát triển tiềm năng nghề nghiệp. Giá trị của trắc nghiệm là ở chỗ nó có thể giúp tập hợp thông tin và quản lý thông tin ở những khu vực đáp ứng các đòi hỏi của tình huống việc làm (điểm mạnh, điểm yếu) giúp cho việc lập kế hoạch nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp, tìm việc làm giúp phát triển cá nhân hoặc thoả mãn các nhu cầu đào tạo. Trên cơ sở dữ liệu tập hợp, có thể đưa ra đánh giá khoa học về tiềm năng của cá nhân đối với nghề nghiệp nói chung.

- + Trắc nghiệm đo lường năng lực định hóng nghề nghiệp: Nội dung đo lường của trắc nghiệm này là các khu vực: *hiểu biết nghề nghiệp; tính sẵn sàng cho việc xây dựng những kế hoạch nghề nghiệp phù hợp với năng lực của cá nhân, mong muốn khám phá thị trường việc làm; năng lực nhận biết những*

thay đổi trong các nhiệm vụ liên quan đến nghề nghiệp, hiểu biết về thị trường việc làm.

1.3. Nghiên cứu đề xuất các mô hình tăng cường hiệu quả của giáo dục phổ thông và hóng nghiệp trong việc tạo nền tảng vững chắc cho phát triển nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hoá hiện đại hoá. Cụ thể, *đề tài đề xuất phong hóng đổi mới giáo dục phổ thông nh sau:*

- Đa dạng hoá các tổ chức giáo dục, đổi mới nội dung và tăng cường chuẩn bị cho học sinh đi vào cuộc sống bằng sự chuẩn bị việc làm cho học sinh. Xây dựng các mô hình học tập cộng đồng để tạo cầu nối cho các giai đoạn làm việc và học tập của thanh niên học sinh.

- Nhà trường phổ thông cần thực hiện dạy công nghệ, dạy nghề, tăng cường công tác hóng nghiệp cho học sinh và coi đào tạo “tiền nghề nghiệp” nh là cơ sở cho việc học tập liên tục thông xuyên suốt đời, chuẩn bị cho học sinh đi vào cuộc sống lao động.

- Tổ chức thực hiện nội dung sinh hoạt hóng nghiệp trong nhà trường phổ thông. Đổi mới liên kết đào tạo giữa các trung tâm KTTH-DN với trường phổ thông.

- Sử dụng đội ngũ t vấn học đồng đảm trách nội dung t vấn nghề và thực hiện nội dung sinh hoạt hóng nghiệp cho các đối tượng học sinh trong nhà trường.

2. Kết quả nghiên cứu về mặt thực tiễn:

2.1. Đề tài đã phát hiện đúng thực trạng giáo dục phổ thông và hóng nghiệp với t cách là nền tảng phát triển nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết quả cho thấy:

- Trên 70% học sinh THPT không được giáo dục hóng nghiệp một cách đầy đủ. Hàng năm nóc ta có 19,75% học sinh tốt nghiệp THPT vào các trường CĐ, ĐH; 7,4% vào các trường THCN; 4,9% đi học nghề. Nh vậy, mỗi năm có khoảng từ 20 đến 30 vạn học sinh tốt nghiệp THPT và khoảng 5 vạn học sinh tốt nghiệp THCS bổ sung vào lực lượng lao động xã hội mà cha được đào tạo nghề ngay cả những nghề phổ thông.

- Dạy nghề phổ thông hiện nay mang tính hình thức, kém hiệu quả. Cụ thể:

- + Học sinh không tự giác ghi danh học nghề. Trên 60% học sinh trả lời không thích học nghề. Học sinh học nghề do sức ép của nhà trường và do áp lực của điều kiện tốt nghiệp (Điểm nghề).

- + Học sinh còn bị ép học nghề và phải học những nghề không phù hợp với sở thích và điều kiện thực tế.

- + Các trung tâm KTTH ở địa bàn quận, huyện quá tải vì số lượng học sinh học nghề theo thời vụ và quá đông. Thành phố Hà Nội có 6 Trung tâm GDKTTH HN nhng có tới hơn 100 trường THPT. Cả nóc hiện có 300 trung tâm

nhng chỉ có khả năng đáp ứng được 80 vạn học sinh học nghề, trong khi đó số lượng học sinh cần học nghề hàng năm lên đến 1,6 triệu em.

+ Đội ngũ giáo viên hóng nghiệp và dạy nghề thiếu về số lượng và yếu kém thực sự về chất lượng, không đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

- Hiện nay các trường Đại học ở nước ta mới chỉ có trung tâm giới thiệu việc làm trực thuộc Đoàn trường hoặc Hội sinh viên và đa số việc làm được giới thiệu là việc làm bán thời gian.

- Về tiềm năng nghề của học sinh:

+ Có từ 15,4% đến 17,2% số học sinh THPT được điều tra có những thiếu hụt đáng kể (thiếu vắng những đặc tính, phẩm chất, điều kiện, năng lực được mong đợi).

+ Có từ 15,5% đến 21,8% số học sinh THPT thuộc nhóm điểm cao – có những phẩm chất, điều kiện, năng lực minh chứng cho tiềm năng nghề hiện có của các em. Số còn lại tuy cha phát hiện thấy có những bằng chứng xác nhận sự thiếu hụt đáng kể nhng những điều kiện đó vẫn cha thể hiện rõ ở các học sinh này.

+ Sự phát triển tiềm năng nghề của học sinh THPT chịu sự chi phối của nhiều nhân tố: lứa tuổi, giới tính, vùng miền, trường, nghề nghiệp của bố mẹ... nhng ảnh hưởng của những nhân tố này khác nhau, trong đó nhà trường có mức độ ảnh hưởng mạnh nhất. Điều này có nghĩa là các phẩm chất, kỹ năng, năng lực cốt lõi của tiềm năng nghề nghiệp của học sinh phụ thuộc đáng kể vào chất lượng giáo dục hóng nghiệp ở nhà trường. *Tuy nhiên hoạt động giáo dục hóng nghiệp để hình thành tiềm năng nghề nghiệp cho học sinh còn mờ nhạt, cha tạo ra sự khác biệt về chất ở các năng lực, phẩm chất, điều kiện cốt lõi chi phối tiềm năng nghề của một cá nhân nh năng lực ứng phó, sức khỏe tâm lý và các kỹ năng/năng lực xã hội.*

- Về năng lực định hóng nghề nghiệp của học sinh:

+ Đa số học sinh THPT cha hình thành được tính sẵn sàng lao động nghề nghiệp (hiện chỉ có 8,1% học sinh dự định thi vào các trường trung cấp hoặc trường dạy nghề, 6,6% dự định sẽ tìm việc làm ngay, số còn lại đến 85,2% muốn thi vào đại học, thậm chí có tới 56,15% sẵn sàng chờ năm sau thi lại đại học nếu thi trượt). Đã đến lúc cần báo động về định hóng nghề nghiệp tương lai của giới trẻ.

+ Có 16,0% đến 28,65 % số học sinh THPT thuộc nhóm điểm thấp, tức là có những thiếu hụt đáng kể về định hóng nghề nghiệp. Có từ 16,4% đến 22,6% học sinh thuộc nhóm điểm cao, tức là có những biểu hiện minh chứng cho năng lực định hóng nghề nghiệp đã được hiện diện rõ ràng. Số học sinh còn lại (từ 44,8 đến 66,6%) thuộc nhóm điểm trung bình, tức là tuy cha phát hiện thấy rõ những bằng chứng xác nhận sự thiếu hụt đáng kể về định hóng nghề, nhng năng lực định hóng nghề vẫn cha thể hiện rõ ở các em này.

+ Mặc dù điểm số trung bình về thái độ nghề nghiệp và hiểu biết nghề nghiệp của học sinh lớp 12 đều cao hơn so với học sinh lớp 10 và 11, nhưng điểm trung bình về năng lực làm quyết định nghề nghiệp của học sinh lớp 12 không có sự khác biệt đối với học sinh lớp 10 và 11. Điều này cho phép khẳng định *sự kém hiệu quả của giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường*.

+ Đa số học sinh cha đọc định hướng nghề nghiệp, cha đọc chuẩn bị tốt để sau khi tốt nghiệp phổ thông có một bộ phận lớn học sinh có thể tham gia ngay vào thị trường việc làm. Kết quả phân tích các số liệu khảo sát cho thấy năng lực định hướng nghề của học sinh phụ thuộc rất lớn vào giáo dục hướng nghiệp ở từng cơ sở giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, các hoạt động giáo dục hướng nghiệp cha thực hiện được chức năng của mình, cha tạo ra sự khác biệt về chất cả trên bình diện thái độ nghề nghiệp lẫn năng lực hiểu biết nghề nghiệp, đặc biệt là cha phát triển được năng lực làm các quyết định nghề nghiệp phù hợp dựa trên sự hiểu biết rõ năng lực của bản thân và hiểu biết thị trường việc làm, hiểu biết những yêu cầu cốt yếu của nghề mình định chọn.

2.2. Nguyên nhân của sự thiếu hụt về tiềm năng nghề và năng lực định hướng nghề của học sinh phổ thông.

- Mối quan hệ giữa học văn phổ thông, học văn Kỹ thuật tổng hợp và học văn nghề nghiệp (nghề phổ thông) cha đọc quan tâm thoả đáng. Nội dung giáo dục phổ thông chú trọng chủ yếu đến học văn phổ thông mà coi nhẹ hai bộ phận học văn còn lại vốn có liên hệ mật thiết với nhau trong nội dung giáo dục hướng đến mục tiêu giáo dục toàn diện của nhà trường phổ thông.

- Công tác giáo dục, tăng cường nhận thức về vai trò của giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường cha đọc thực hiện tốt. Vẫn tồn tại khá phổ biến quan niệm giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông ở nhà trường phổ thông chỉ là hình thức và là việc phải làm cho đầy đủ thủ tục theo quy định của kế hoạch dạy học.

- Nhà trường thiếu cơ sở vật chất để giáo dục hướng nghiệp (84,3%), thiếu sự hỗ trợ của chính quyền địa phương (58, 6%), đa số học sinh cha có nhu cầu (55,1%), Giáo viên còn yếu và thiếu lại cha coi trọng tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp (59,3%).

- Thông tin về nhu cầu nhân lực của các tổ chức, các cơ sở cha thực hiện một cách công khai và cập nhật trong bối cảnh của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động.

- Thông tin về tỷ lệ chọi, điểm chuẩn, đầu vào, đầu ra của các trường, các ngành học... đọc công bố rộng rãi, liên tục vô tình đã định hướng cho học sinh chọn lựa nghề nghiệp không phải phù hợp với nguyện vọng mà là ngành học dễ đỗ nhất. Tỷ lệ sinh viên ra trường cha có việc làm, và làm không đúng với chuyên môn đào tạo có một phần do họ không đọc hướng dẫn và vô cùng mù mờ về tương lai khi quyết định lựa chọn nghề.

3. Một số kiến nghị Đề xuất :

3.1. Đề xuất những luận điểm có tính nguyên tắc về giáo dục phổ thông và hóng nghiệp trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực đi vào CNH, HĐH:

Chúng tôi cho rằng cần xác định lại mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, coi trọng việc chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hóng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH), nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế nhằm giúp kinh tế nước ta tăng trưởng nhanh và bền vững, hình thành thể chế kinh tế thị trường định hóng XHCN. Theo định hóng đó, chúng tôi khẳng định: *giáo dục phổ thông, hóng nghiệp và dạy nghề trong thập kỷ này là phải đắ lực phục vụ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu ngành trong GDP.*

Lĩnh vực giáo dục lao động, kỹ thuật và nghề nghiệp cho học sinh phổ thông cần đợc xem là mũi nhọn của phát triển, dạy nghề, coi trọng công tác hóng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương.

Hơn lúc nào hết, *phải chăm lo đến nguồn lực con người, chuẩn bị lao động có những phẩm chất và năng lực đáp ứng đòi hỏi của giai đoạn mới. Việc này cần đợc bắt đầu từ giáo dục phổ thông. Giáo dục phổ thông nói chung, dạy nghề phổ thông nói riêng, trong giai đoạn này tập trung phục vụ mục tiêu nâng cao dân trí, chuẩn bị nhân lực kỹ thuật cho các ngành kinh tế - xã hội của đất nước.*

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội và ngày càng xâm nhập sâu vào cuộc sống. Các nước trên thế giới đều rất coi trọng việc đa nội dung môn học kỹ thuật (công nghệ), nghề phổ thông và kinh tế vào giảng dạy trong trường phổ thông, kết hợp chặt chẽ giữa giảng dạy kỹ thuật với đào tạo, tăng cường giáo dục nghề nghiệp cho học sinh. Từ kinh nghiệm của thế giới, chúng tôi đề nghị: *Nước ta trong quá trình chủ động hội nhập khu vực và quốc tế, nhiệm vụ đặt ra cho giáo dục phổ thông là phải nhanh chóng trang bị cho học sinh kiến thức văn hoá, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế... trong đơng trình độ học sinh phổ thông các nước trên thế giới. Với tinh thần đó, công tác hóng nghiệp và dạy nghề phổ thông phải nhanh chóng khắc phục yếu kém, nhất là vấn đề liên thông chơng trình giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp nhằm đổi mới toàn diện để góp phần giáo dục đào tạo người lao động có đầy đủ phẩm chất và năng lực thích ứng chuyển dịch nghề nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay.*

Để làm được điều đó cần thực hiện bốn mục tiêu, đó là: “a. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện....; b. Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tính sáng tạo và năng lực tự học của học sinh; c. Tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước trong khu vực và trên thế giới; d. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức phân luồng sau THCS và THPT, chuẩn bị tốt cho học sinh học tập tiếp tục ở bậc sau trung học hoặc tham gia lao động ngoài xã hội”.

Những quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc trên cho thấy cần nhấn mạnh và khẳng định hoạt động hóng nghiệp và dạy nghề phổ thông có vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị cho học sinh bước vào cuộc sống lao động sau khi tốt nghiệp THCS, THPT. Đây cũng là những cơ sở pháp lý quan trọng để đẩy mạnh hoạt động giáo dục lao động-kỹ thuật tổng hợp - hóng nghiệp nhằm góp phần đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho đất nước và phân luồng hợp lý học sinh sau khi ra trường.

3.2. Đề xuất phương hướng tổ chức và chỉ đạo thực hiện hóng nghiệp và dạy nghề phổ thông cho học sinh phổ thông.

- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện hóng nghiệp và dạy nghề phổ thông cho học sinh phổ thông bậc trung học cần tập trung theo bốn tuyến (bốn con đường) song hành. Cụ thể là:

- + Hóng nghiệp qua hoạt động dạy học các môn khoa học cơ bản.
- + Hóng nghiệp qua hoạt động dạy học kỹ thuật và lao động sản xuất.
- + Hóng nghiệp qua sinh hoạt hóng nghiệp.
- + Hóng nghiệp qua hoạt động ngoại khóa ở trong và ngoài nhà trường.

- Trong bối cảnh hiện nay, giáo dục phổ thông và hóng nghiệp cần chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH. Để thực hiện được mục tiêu đó cần áp dụng đồng bộ các giải pháp sau đây:

- + Cải tiến công tác thông tin tuyên truyền về hoạt động hóng nghiệp, dạy nghề phổ thông và thị trường lao động.
- + Đổi mới chương trình nghề phổ thông và đổi mới phương thức tổ chức hoạt động hóng nghiệp và dạy học nghề phổ thông.
- + củng cố, xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, đội ngũ cán bộ quản lý, đặc biệt đội ngũ cán bộ quản lý các Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hóng nghiệp.
- + Tăng cường xây dựng, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ hoạt động hóng nghiệp, dạy nghề phổ thông.
- + Đổi mới công tác quản lý hoạt động hóng nghiệp và dạy học nghề phổ thông.
- + Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động hóng nghiệp và dạy học nghề phổ thông.

- Để việc xã hội hoá hoạt động hóng nghiệp đạt được kết quả cần xây dựng cơ chế hoạt động ở các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và đặc biệt ở Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hóng nghiệp (KTTH-HN). Cụ thể là:
 - + Thành lập Hội đồng giáo dục cấp cơ sở.
 - + Tổ chức kí hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Trung tâm KTTH-HN.
 - + Đề xuất cơ chế phối hợp “Nhà nóc và nhân dân cùng làm” trong tạo nguồn đầu t cho các Trung tâm KTTH-HN.
- Đề xuất việc xây dựng hệ thống thông tin về thị trường lao động cho giáo dục & đào tạo:

Để từng bước xây dựng và phát triển hệ thống thông tin về thị trường lao động, bên cạnh việc sử dụng các chỉ số thông tin quốc gia chung về thị trường lao động nh các thông tin về dân số và lực lượng lao động, tình trạng thất nghiệp và việc làm, phân bố lao động trên các ngành và khu vc kinh tế ...cần xây dựng hệ thống các chỉ số thông tin cần thiết sau:

- Thông tin hàng năm về tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp của học sinh các trường Đại học, THCN , dạy nghề, phổ thông TH ra đời tham gia lao động sản xuất theo cơ cấu ngành nghề và trình độ được đào tạo ở các ngành kinh tế, khu vực địa phương khác nhau.
- Số chỗ việc làm sẽ được đào tạo ra hoặc có nhu cầu các cơ sở SX-DV (theo khu vực kinh tế hoặc ngành KT) và nhu cầu nhân lực LĐKT tương ứng.
- Nhu cầu lao động của thị trường lao động quốc tế (số lượng và chất lượng) trình độ học vấn phổ thông và trình độ nghề nghiệp cần được đào tạo theo các ngành nghề .
- Mức thu nhập của đội ngũ LĐKT được đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng THCN và dạy nghề, phổ thông trung học (có dạy kỹ thuật hoặc nghề phổ thông) ở các ngành nghề và khu vực kinh tế (quốc doanh, t nhân, liên doanh...).

- Để đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển hệ thống thông tin về thị trường lao động phục vụ công tác phát triển giáo dục - đào tạo, ***đã đến lúc Nhà nóc cần thành lập cơ quan chuyên trách về vấn đề này*** (có thể trên cơ sở Trung tâm thông tin lao động hiện nay ở Bộ LĐ-TB-XH hoặc TT thông tin của Bộ GD&ĐT) nhằm không chỉ cung cấp thông tin số liệu thống kê về lao động, quy mô đào tạo đơn thuần mà còn là đầu mối thu thập quản lý các thông tin cần thiết về thị trường lao động trong phạm vi toàn quốc với một hệ thống chân rết ở các cơ quan quản lý dạy nghề, lao động và GDKT&DN ở địa phương cũng nh mạng lưới các trường, cơ sở đào tạo trong cả nóc. Hệ thống thông tin về TTLĐ được cập nhật, xử lý thông xuyên có hệ thống với các chỉ số

thống nhất có độ tin cậy cao là một điều kiện quan trọng để nâng cao tính thích ứng của công tác đào tạo với thị trường lao động nóc ta trong thời gian tới

3.3. Đề xuất công tác xây dựng đội ngũ nhằm thực hiện tốt hơn công tác hóng nghiệp:

Trong Chỉ thị của Ban Bí th về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15-6-2004 của Ban chấp hành Trung ơng Đảng cộng sản Việt Nam) đã xác định một số nhiệm vụ, trong đó đề cập tới: “Tiến hành rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm đủ số lượng và cân đối về cơ cấu, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Trong bối cảnh đó, các trường THCS, THPT, Trung tâm KTTH-HN tổ chức điều tra, đánh giá đúng thực trạng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, về tình hình t tổng, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phong pháp giảng dạy và năng lực quản lý hoạt động hóng nghiệp, dạy nghề phổ thông ở các cơ sở giáo dục. Trên cơ sở kết quả điều tra, căn cứ vào chiến lược phát triển giáo dục và nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục cần xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ngày càng thực hiện tốt mục tiêu phát triển giáo dục nói chung và mục tiêu hóng nghiệp, dạy nghề phổ thông nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Giáo dục – NXB Chính trị Quốc gia – Hà nội 1998
2. Phạm Minh Hạc – Hoạt động lao động - Hóng nghiệp của học sinh phổ thông Việt Nam, Trờng Cán bộ quản lý GD & ĐT – Hà Nội - 1996.
3. Kỷ yếu Hội thảo " Giáo dục phổ thông và hóng nghiệp - nền tảng để phát triển nguồn nhân lực" - Chơng trình KHCN cấp Nhà nóc KX - 05. Đề tài: KX - 05 - 09. Hà Nội 2001.
4. Norbert Lebeaupin. Giáo trình về thanh tra giáo dục Pháp tại trung tâm đào tạo s phạm quốc tế (CIEP). Paris. Tháng 7 - 2003.
5. Michel Reverchon - Billot - Giáo trình về thanh tra giáo dục Pháp tại trung tâm đào tạo s phạm quốc tế (CIEP). Paris. Tháng 7 - 2003.

9 - 2004